

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Ngô Thị Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/10/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 14 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng

vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Hiện tại, chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2006 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/01/2013. Ly hôn, chị Tr đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Văn T để nộp bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/01/2013 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2006, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Tại phiên tòa, chị Tr vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/10/2006 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Hiện tại, chị Tr và anh T đã sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã C xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị Tr nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, trong khi đó anh T không có mặt để tham gia hòa giải. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2006 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/01/2013. Xét thấy, cháu H là con trai, bản thân cháu cũng có nguyện vọng ở với bố. Còn cháu H1 là con gái, bản thân cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/01/2013 cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2006, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Tr, anh T có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007698 ngày 18/7/2022. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Văn T. Chị Tr và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải

